

Bản án số: 77/2021/DS-ST

Ngày: 04/6/2021

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

**\* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Dũng

2. Ông Nguyễn Phước Tường

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Hứa Quốc Thái** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diệu Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 450/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST-DS ngày 09/4/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh **Phan Văn V**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

(Anh V, anh C có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phan Văn V trình bày:

Vào ngày 09/6/2020, anh có cho bị đơn anh Nguyễn Văn C vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn trả 30 ngày, nhưng đã quá thời hạn anh C không trả tiền.

Nay anh yêu cầu anh C trả cho anh số tiền 40.000.000 đồng.

- Theo Biên bản lấy lời khai ngày 28/01/2021, bị đơn anh Nguyễn Văn C khai: Anh có vay của anh V 02 lần tiền tổng cộng là 30.000.000 đồng cụ thể:

- + Lần thứ nhất vay số tiền 20.000.000 đồng để chuộc xe;
- + Lần thứ hai vay số tiền 4.000.000 đồng;
- + Lần thứ ba vay số tiền 6.000.000 đồng.

Tuy nhiên, trước khi vay số tiền lần thứ hai và thứ ba thì anh đã trả xong lần thứ nhất là 23.000.000 đồng (gồm vốn vay lần thứ nhất 20.000.000 đồng và tiền lãi suất 3.000.000 đồng). Anh chỉ còn thiếu lại số tiền 10.000.000 đồng của lần vay thứ hai và thứ ba, lãi suất hai số tiền này là 300.000 đồng/ngày. Nay anh chỉ đồng ý trả cho anh V số tiền 10.000.000 đồng của lần vay thứ hai và thứ ba, xin trả vốn, không trả tiền lãi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên.

- Kiểm sát viên tham dự phiên tòa phát biểu:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Anh Phan Văn V khởi kiện có cung cấp giấy mượn nợ đề ngày 09/6/2020 âm lịch thể hiện nội dung Nguyễn Văn C có mượn của Phan Văn V số tiền 40 triệu đồng, có chữ ký và dấu lấn tay của anh C. Anh V trình bày số nợ 40 triệu đồng gồm 25 triệu đồng anh V bỏ ra để chuộc xe giùm anh C và 15 triệu đồng anh C vay của anh V. Còn anh C trình bày số tiền chuộc xe chỉ có 20 triệu đồng, chỉ vay của anh V 10 triệu đồng, khi anh C ký vào giấy mượn nợ thì anh V không có ghi số tiền nhưng anh C thừa nhận chữ ký và dấu lấn tay trên giấy mượn nợ là của anh. Nhận thấy lời trình bày của anh V là có căn cứ, phù hợp với nội dung ghi trong giấy mượn nợ, phù hợp lời trình bày của anh Trần Thanh Nhân có trực tiếp chứng kiến việc anh V trả số tiền 25 triệu đồng để chuộc xe của anh C, có chứng kiến anh C mượn anh V 15 triệu đồng. Còn lời trình bày của anh C là không có cơ sở. Như vậy, có căn cứ xác định giữa anh V và anh C thực tế có phát sinh quan hệ vay tài sản, số tiền anh C vay của anh V là 40 triệu đồng. Tuy nhiên, anh C đã trả cho anh V 23 triệu trong đó 20 triệu đồng tiền gốc, 3 triệu đồng tiền lãi do anh Phan Thành Nam (Anh ruột anh V) nhận thay, anh V cũng thừa nhận có nhận 23 triệu đồng. Như vậy, anh C chỉ còn nợ anh V số tiền 20 triệu đồng. Anh V trình bày, sau khi anh C trả 23 triệu đồng thì anh có cho anh C vay tiếp 20 triệu đồng nhưng anh V không có chứng cứ chứng minh, trong khi anh C chỉ thừa nhận có vay 10 triệu đồng. Do đó, có căn cứ xác định anh C còn nợ anh V số tiền 30 triệu đồng, phù hợp với lời trình bày của anh C là ngoài việc trả 23 triệu đồng thì anh C không có trả cho anh V số tiền nào khác nên anh C phải có trách nhiệm trả cho anh V số tiền 30 triệu đồng còn nợ. Do đó yêu cầu khởi kiện của anh V là có cơ sở chấp nhận một phần.

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn V.

- + Buộc anh Nguyễn Văn C trả cho anh V số tiền 30.000.000 đồng.
- + Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V yêu cầu anh C trả số tiền 10.000.000 đồng.

4. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Anh Phan Văn V kiện anh Nguyễn Văn C tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện B, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Anh Phan Văn V kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn C trả số tiền đã mượn. Xét thấy, mặc dù phía nguyên đơn khai cho mượn tiền vì không tính tiền lãi suất, nhưng hợp đồng mượn tài sản khi giao trả phải trả lại tài sản đã mượn. Còn tài sản ở đây các bên giao dịch là tiền, khi giao trả thì trả tài sản cùng loại theo số lượng, chất lượng, nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 463 và Điều 470 của Bộ luật dân sự.

#### **[2]. Về nội dung vụ án:**

Anh Phan Văn V yêu cầu anh Nguyễn Văn C trả số tiền vay 40.000.000 đồng, đồng thời cung cấp chứng cứ là “Giấy mượn nợ” đề ngày 09/06/2020 âl. Anh C chỉ thừa nhận vay của anh V tổng cộng số tiền là 30.000.000 đồng (Tiền chuộc xe 20.000.000 đồng và 02 lần vay sau 10.000.000 đồng) và anh đã trả phần tiền chuộc xe 20.000.000 đồng xong và chỉ đồng ý trả tiếp số tiền 10.000.000 đồng.

[2.1]. Xét thấy, theo lời anh C khai không thừa nhận có vay số tiền 40.000.000 đồng của anh V theo “Giấy mượn nợ” đề ngày 09/06/2020 âl, nhưng anh thừa nhận chữ ký tên, ghi họ tên và dấu lấn tay nơi người mượn tiền tại “Giấy mượn nợ” đề ngày 09/06/2020 âl do anh V cung cấp đúng là chữ ký, chữ viết và dấu lấn tay của anh. Tuy nhiên, anh khai khi ký anh không biết nội dung và khi ký tên anh V bỏ trống không có ghi số tiền, nên theo “Giấy mượn nợ” này anh chỉ thiếu số tiền chuộc xe là 20.000.000 đồng.

Xét thấy, theo nội dung “Giấy mượn nợ” đề ngày 09/06/2020 âl ghi “...Tôi Nguyễn Văn C có mượn của ông Phan Văn V... số tiền là 40.000.000 (Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng)”. Anh C khai anh V mới đưa số tiền 20.000.000 đồng, nhưng anh không có chứng cứ chứng minh và không được anh V thừa nhận, nên không chấp nhận lời khai này của anh C và xác định anh C có vay của anh V số tiền 40.000.000 đồng theo “Giấy mượn nợ” đề ngày 09/06/2020 âl.

[2.2]. Theo lời khai thống nhất giữa anh V và anh C sau đó anh C đã trả cho anh V số tiền 23.000.000 đồng, nhưng theo lời anh V khai trong số tiền 23.000.000

đồng anh C trả chỉ có 20.000.000 đồng trả theo “Giấy mượn nợ” đề ngày 09/06/2020 âl. Còn lại 3.000.000 đồng trả cho số tiền khác anh C mượn chuộc điện thoại, nhưng anh C không thừa nhận có mượn số tiền 3.000.000 đồng chuộc điện thoại như lời anh V khai, đồng thời anh V cũng không có chứng cứ chứng minh anh C mượn số tiền 3.000.000 đồng chuộc điện thoại.

Tuy nhiên, anh C thừa nhận số tiền trả vốn là 20.000.000 đồng, còn lại 3.000.000 đồng là trả tiền lãi không tính vào tiền vốn, Hội đồng xét xử ghi nhận lời khai này của anh C. Như vậy, xác định theo “Giấy mượn nợ” đề ngày 09/06/2020 âl anh C đã trả số tiền 20.000.000 đồng, nên anh C còn nợ lại anh V số tiền 20.000.000 đồng.

[2.3]. Ngoài ra anh V khai sau khi anh C trả số tiền 23.000.000 đồng thì anh C có vay thêm anh số tiền 20.000.000 đồng, nhưng anh C chỉ thừa nhận vay thêm 10.000.000 đồng (01 lần 6.000.000 đồng và 01 lần 4.000.000 đồng), Hội đồng xét xử ghi nhận. Còn lại số tiền 10.000.000 đồng anh C không thừa nhận, anh V không có chứng cứ chứng minh, nên chỉ chấp nhận 01 phần yêu cầu này của anh V và xác định sau khi trả số tiền 23.000.000 đồng, anh C có vay thêm anh V số tiền 10.000.000 đồng.

[2.4]. Như vậy xác định anh C còn thiếu anh V theo “Giấy mượn nợ” đề ngày 09/06/2020 âl số tiền là 20.000.000 đồng và lần sau 10.000.000 đồng, tổng cộng anh C còn nợ anh V số tiền 30.000.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh V chỉ có một phần cơ sở, nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh V. Buộc anh C trả cho anh V số tiền 30.000.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[3]. **Về án phí:** Các bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cụ thể, anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần yêu cầu khởi kiện của anh V được chấp nhận. Anh V phải chịu án phí phần không được chấp nhận yêu cầu.

[4]. **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470, 357 của Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

### **Xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn V

- Buộc anh Nguyễn Văn C trả cho anh Phan Văn V số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

- Kể từ ngày anh V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh C chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Văn C chịu 1.500.000 đồng.

- Anh Phan Văn V chịu 500.000 đồng (Phần không được chấp nhận yêu cầu), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 0004370 ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên hoàn lại anh Phan Văn V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**PHẠM VĂN NHỊN**